

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Bản án số: 389/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 3 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thuý Ái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Sơn;
2. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bé - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 801/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2022/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1993 (Có mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 148A đường B, tổ 6, ấp B, xã Nh, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh T, sinh năm: 1990 (Vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 03, đường số 539, ấp X, xã Nh, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 12/11/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị K trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Minh T xây dựng gia đình năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nh, huyện C, có tổ chức cưới, hai bên tự nguyện. Sau khi xây dựng gia đình xong, vợ chồng bà sống tại nhà cha mẹ ruột bà, sống hạnh phúc đến năm 2017 sau khi sinh đứa con thứ 2 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vấn đề kinh tế gia đình, ông T không quan tâm đến vợ con, một mình bà phải lo mọi thứ, ông T hay nhậu nhiều, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, làm ảnh hưởng đến cha mẹ bà, từ năm 2019 ông T về bên nhà chồng sống cho đến nay, vợ chồng bà cũng ly thân từ đó. Hiện bà và ông T không còn quan tâm gì đến nhau, ông T ít quan tâm đến con cái, bà cảm thấy tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T.

Bà và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Minh V, sinh ngày 22/4/2013 và Nguyễn Minh Nh, sinh ngày 18/02/2017, bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi 02 con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung không có, nợ chung không có.

** Bị đơn là ông Nguyễn Minh T vắng mặt.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 12/11/2021, bà Nguyễn Thị K yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Minh T, con chung có 02 cháu bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung không có, nợ chung không có. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn là ông T cư trú tại số 03, đường số 539, ấp X, xã Nh, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi theo Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng:

Bị đơn là ông Nguyễn Minh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa (ông T nhận trực tiếp các văn bản tố tụng nêu trên) nhưng vẫn không đến Tòa án, do đó Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành phiên Tòa vắng mặt ông T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Minh T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 68/CNKH, quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân xã Nh, huyện C cấp ngày 23/8/2014, đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét trình bày của bà K thì bà và ông T tự nguyện xây dựng gia đình, sau khi xây dựng gia đình hai bên chung sống bên gia đình bà, có hạnh phúc, từ năm 2017 mâu thuẫn xảy ra do ông T không có việc làm ổn định, kinh tế gia đình chỉ có một mình bà lo, ông T cũng thường nhậu nhẹt, mỗi lần say xỉn vợ chồng lại cãi vã, làm ảnh hưởng đến cha mẹ bà K, năm 2019 ông T về nhà cha mẹ chồng sống cho đến nay, không quan tâm gì đến vợ con, bà nhận thấy giữa bà và ông T không còn hạnh phúc, không thể nào tiếp tục chung sống với nhau nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Xét ông T không đến Tòa án theo giấy triệu tập để cung cấp lời khai, điều đó cho thấy ông T không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng cùng với bà K, do đó Hội đồng xét xử chỉ xem xét các chứng cứ do bà K cung cấp, bà K và ông T không còn chung sống cùng chung một địa chỉ, do đó Hội đồng xét xử xét không cần thiết phải xác minh về tình trạng hôn nhân của ông bà tại địa phương theo quy định tại Điều 208 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Xét tình trạng quan hệ vợ chồng giữa bà K và ông T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài được, mục đích hôn nhân không

đạt, căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà K được ly hôn với ông T là có cơ sở.

[4] Về con chung:

Bà K và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Minh V, sinh ngày 22/4/2013 và Nguyễn Minh Nh, sinh ngày 18/02/2017, bà K yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét 02 cháu V và Nh hiện đang sống cùng mẹ, cháu V có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ, để ổn định tâm sinh lý của con chung, Hội đồng xét xử giao cháu V và Nh cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà K không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, xét đây là sự tự nguyện của bà K, không trái pháp luật nên ghi nhận sự tự nguyện này. Nếu sau này bà K có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sẽ được Tòa án giải quyết ở một vụ án khác.

[5] Về tài sản chung: Bà K xác định không có.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà K xác định không có.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét buộc bà K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị K về việc cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Minh T.

Kể từ ngày Bản án phát sinh hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 68, quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân xã Nh, huyện C cấp ngày 23/8/2014 cho bà K và ông T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Bà K và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Minh V, sinh ngày 22/4/2013 và Nguyễn Minh Nh, sinh ngày 18/02/2017.

Giao 02 cháu V và Nh cho bà K được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà K về việc tạm thời không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi

đưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, yêu cầu của cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84, Khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc trợ cấp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Bà K xác định không có.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà K xác định không có.

5. Về án phí sơ thẩm:

Bà K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2021/0043452 ngày 09/12/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

6. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Ủy ban nhân dân xã Nh, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**